

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Kèm theo Quyết định số 119/QĐ/CDYT, Ngày 21-08-2015



Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Bùi Thị Loan	03/03/97	Nữ	53.04		99	99.00166	5.25	5.50					10.75	10.75	5.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Hoàng	10/11/97	Nữ	56.06		99	99.00227	5.50	5.75					11.25	11.25	5.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Dương Nguyễn Hoàng	02/01/97		56.02		99	99.00279	4.50	5.00					9.50	9.50	4.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Hồng	03/05/94	Nữ	53.01		99	99.00195	4.50	6.00					10.50	10.50	5.25	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Phong	25/12/97		53.03		99	99.00189	3.00	5.00					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hữu	12/03/97		53.06		99	99.00145	3.00	5.50					8.50	8.50	4.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hoài	28/10/97		56.06		99	99.00283	6.50	3.50					10.00	10.00	5.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thuỵ Ngọc	19/11/97	Nữ	53.05		99	99.00313	2.50	5.50					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Duy	11/04/97		53.06		99	99.00274	3.00	7.00					10.00	10.00	5.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Thị Mộng	19/07/97	Nữ	53.11		99	99.00435	5.00	4.50					9.50	9.50	4.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hồng	05/03/93	Nữ	53.05		99	99.00178	3.00	4.75					7.75	7.75	3.87	04	2	15 PT
5304 00000	Võ Minh	22/10/97		53.06		99	99.00144	2.75	5.25					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Vương Võ Ngọc	06/05/97	Nữ	56.02		99	99.00258	3.50	3.50					7.00	7.00	3.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	15/12/97	Nữ	53.11		99	99.00070	4.75	6.50					11.25	11.25	5.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Chí	02/08/96		53.04		99	99.00263	5.50	6.50					12.00	12.00	6.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Quốc	16/01/97		53.06		99	99.00170	6.50	3.75					10.25	10.25	5.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thúy	14/08/97	Nữ	53.08		99	99.00103	3.25	5.00					8.25	8.25	4.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Thị Tuyết	26/12/93	Nữ	53.05		99	99.00201	9.50	3.50					13.00	13.00	6.50	04	2NT	11 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hoàng	05/11/96	Nữ	56.06		99	99.00399	7.00	7.50					14.50	14.50	7.25	04	2	14 PT
5304 00000	Dương Nguyễn	02/05/96		53.01		99	99.00177	3.00	4.75					7.75	7.75	3.87	04	2	15 PT
5304 00000	Trần Mỹ	19/06/93	Nữ	50.06		99	99.00200	8.00	4.50					12.50	12.50	6.25	04	2NT	12 PT
5304 00000	Nguyễn Thuý Ngân	19/01/97	Nữ	56.07		99	99.00392	4.75	4.50					9.25	9.25	4.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Công	30/08/93		56.02		99	99.00401	6.00	6.50					12.50	12.50	6.25	04	2NT	12 PT
5304 00000	Lê Nguyễn Thúy	07/04/97	Nữ	53.04		99	99.00297	2.50	3.50					6.00	6.00	3.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Khánh	22/04/97	Nữ	49.14		99	99.00388	4.25	6.00					10.25	10.25	5.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lương Thế	12/07/97		53.03		99	99.00207	6.00	4.50					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Kèm theo Quyết định số 119 QĐ/CDYT, Ngày 21-08-2015

Số Bảo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Phạm Thị Hương	Duy	28/02/94	Nữ	53.05	99	99.00113	8.50	6.00					14.50	14.50	7.25	04	2NT	12 PT
5304 00000	Nguyễn Hồng	Dương	23/06/91		53.01	99	99.00249	8.50	8.00					16.50	16.50	8.25	04	2	09 PT
5304 00000	Lý Thị Thuỳ	Dương	04/02/92	Nữ	56.08	99	99.00307	3.00	7.00					10.00	10.00	5.00	04	2NT	10 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng	Đào	07/05/97	Nữ	56.06	99	99.00222	4.00	4.00					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Minh	Đào	20/06/91		53.05	99	99.00023	3.50	7.00					10.50	10.50	5.25	04	2NT	09 PT
5304 00000	Trần Thành	Đạt	22/03/96		53.05	99	99.00380	4.50	5.00					9.50	9.50	4.75	04	2	15 PT
5304 00000	Hồ Thị Ngọc	Điệp	03/11/88	Nữ	56.06	99	99.00336	5.50	5.00					10.50	10.50	5.25	04	2NT	06 PT
5304 00000	Nguyễn Thành	Được	25/12/96		50.02	99	99.00115	3.75	7.00					10.75	10.75	5.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Trần Lâm Hồng	Gấm	17/07/96	Nữ	53.04	99	99.00300	3.75	4.75					8.50	8.50	4.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Thị Cẩm	Giang	28/09/97	Nữ	53.04	99	99.00433	2.75	4.75					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Cẩm	Giêng	22/12/97	Nữ	53.03	99	99.00404	2.00	4.75					6.75	6.75	3.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hiếu	Hào	18/08/97	Nữ	53.03	99	99.00425	4.50	5.25					9.75	9.75	4.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Dương Nguyễn Quang	Hạ	11/07/97		56.06	99	99.00237	6.00	5.50					11.50	11.50	5.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	25/12/97	Nữ	56.02	99	99.00284	4.00	5.00					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hồng Gia	Hân	25/02/97	Nữ	53.04	99	99.00176	1.25	3.75					5.00	5.00	2.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	25/11/97	Nữ	53.03	99	99.00276	4.75	5.50					10.25	10.25	5.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Hùng	Hậu	00/00/96		53.03	99	99.00269	3.75	4.00					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thanh	Hàng	28/02/97	Nữ	53.06	99	99.00101	6.25	4.50					10.75	10.75	5.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Thị Kim	Hiếu	03/08/97	Nữ	53.04	99	99.00124	4.00	6.00					10.00	10.00	5.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thế	Hiển	22/12/97		56.05	99	99.00316	1.75	6.00					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Thái	Học	23/01/97		53.07	99	99.00127	2.75	6.00					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Quốc	Hội	09/12/97		56.02	99	99.00107	1.75	6.50					8.25	8.25	4.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Ngọc	Huyền	06/02/93	Nữ	56.07	99	99.00052	7.50	5.00					12.50	12.50	6.25	04	2NT	11 PT
5304 00000	Trần Chí	Huy	01/08/97		53.05	99	99.00355	5.25	6.50					11.75	11.75	5.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Ngọc	Huỳnh	07/02/97	Nữ	53.06	99	99.00238	5.00	5.50					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Như	Huỳnh	15/08/97	Nữ	49.10	99	99.00312	2.75	5.00					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Kèm theo Quyết định số 119/QĐ/CĐYT, Ngày 21-08-2015



Số Bảo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Võ Phú Hùng	22/05/97		56.06		99	99.00172	4.00	3.50					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Hồng Kha	24/04/94		53.04		99	99.00053	8.50	9.00					17.50	17.50	8.75	04	2NT	13 PT
5304 00000	Nguyễn Dương Khang	05/11/97		53.06		99	99.00094	3.25	5.75					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Quốc Khánh	15/12/97		53.06		99	99.00173	6.50	3.00					9.50	9.50	4.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Lê Quốc Khải	02/03/97		53.03		99	99.00288	2.75	6.25					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Quốc Khôi	06/10/94		53.03		99	99.00350	8.50	6.00					14.50	14.50	7.25	04	2NT	13 PT
5304 00000	Võ Thị Khuyên	20/08/96	Nữ	53.04		99	99.00156	3.75	5.50					9.25	9.25	4.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Chúc Lam	19/04/97	Nữ	53.04		99	99.00221	6.75	7.00					13.75	13.75	6.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Cao Kim Lan	10/03/97	Nữ	53.04		99	99.00086	2.75	4.50					7.25	7.25	3.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Mỹ Linh	20/01/95	Nữ	53.04		99	99.00002	8.50	9.00					17.50	17.50	8.75	04	2NT	13 PT
5304 00000	Lê Thị Khánh Linh	20/04/97	Nữ	53.06		99	99.00184	2.50	3.50					6.00	6.00	3.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Thị Yến Linh	07/08/97	Nữ	49.10		99	99.00302	5.75	6.00					11.75	11.75	5.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Ngô Huỳnh Vũ Luân	09/10/97		53.05		99	99.00141	6.75	6.00					12.75	12.75	6.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Trúc Ly	19/12/97	Nữ	53.05		99	99.00272	1.75	3.50					5.25	5.25	2.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Dương Nhật Minh	28/04/97		53.06		99	99.00378	1.75	6.50					8.25	8.25	4.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hải My	28/09/97	Nữ	53.07		99	99.00138	1.75	4.50					6.25	6.25	3.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Trần Kha My	12/06/97	Nữ	53.08		99	99.00075	3.00	6.00					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	15/03/97	Nữ	53.03		99	99.00275	2.50	4.25					6.75	6.75	3.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Thảo Mỹ	09/10/97	Nữ	50.07		99	99.00335	2.00	3.75					5.75	5.75	2.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Âu Trường Nhật Nam	06/11/97		53.03		99	99.00271	2.50	4.75					7.25	7.25	3.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Đinh Hoàng Nam	01/01/97		53.11		99	99.00209	1.75	5.00					6.75	6.75	3.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Đỗ Thiên Ngân	20/10/96	Nữ	53.06		99	99.00321	9.50	9.50					19.00	19.00	9.50	04	2NT	14 PT
5304 00000	Nguyễn Phạm Vũ Ngân	23/01/94	Nữ	53.01		99	99.00295	8.00	8.00					16.00	16.00	8.00	04	2	13 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	17/03/97	Nữ	53.03		99	99.00441	1.75	4.50					6.25	6.25	3.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Đỗ Nhân Nghĩ	29/03/95		53.07		99	99.00087	8.50	8.00					16.50	16.50	8.25	04	2NT	13 PT
5304 00000	Lê Trọng Nghĩ	26/09/96		53.06		99	99.00091	6.00	3.50					9.50	9.50	4.75	04	2NT	14 PT

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Kèm theo Quyết định số 109/QĐ/CDYT, Ngày 21-08-2015

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Nguyễn Thị Ngọc	07/10/91	Nữ	51.01		99	99.00415	9.50	8.50					18.00	18.00	9.00	04	2	09 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Kim	01/07/96	Nữ	53.05		99	99.00151	3.75	3.75					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Đoàn Mỹ	27/10/97	Nữ	49.09		99	99.00436	4.25	5.50					9.75	9.75	4.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Bảo	18/01/97	Nữ	53.01		99	99.00194	4.00	3.75					7.75	7.75	3.87	04	2	15 PT
5304 00000	Trương Bảo	13/06/97	Nữ	53.05		99	99.00411	6.75	5.25					12.00	12.00	6.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị	23/03/89	Nữ	56.07		99	99.00412	8.50	6.00					14.50	14.50	7.25	04	2NT	07 PT
5304 00000	Trần Thị Bảo	18/06/97	Nữ	53.05		99	99.00206	6.00	7.00					13.00	13.00	6.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Phương	27/06/97	Nữ	53.05		99	99.00431	1.75	6.00					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thanh	07/04/96		53.06		99	99.00174	3.00	5.00					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Thị Thanh	12/02/96	Nữ	53.02		99	99.00359	7.50	6.50					14.00	14.00	7.00	04	2	2 PT
5304 00000	Huỳnh Trọng	22/02/97		49.04		99	99.00154	2.75	5.75					8.50	8.50	4.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Trọng	15/07/97		53.06		99	99.00153	2.25	4.50					6.75	6.75	3.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thành	30/07/90		53.08		99	99.00104	8.00	8.50					16.50	16.50	8.25	04	2NT	08 PT
5304 00000	Nguyễn Phúc	05/09/97		53.05		99	99.00204	3.25	4.25					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Trúc	08/11/94	Nữ	53.01		99	99.00126	2.00	4.50					6.50	6.50	3.25	04	2	15 PT
5304 00000	Trần Yến	04/03/95	Nữ	53.01		99	99.00089	9.50	8.50					18.00	18.00	9.00	04	2	13 PT
5304 00000	Cao Thị	19/04/88	Nữ	53.11		99	99.00294	3.00	4.50					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Cẩm	04/08/97	Nữ	53.02		99	99.00159	3.75	6.00					9.75	9.75	4.87	04	1	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Hồng	05/08/97	Nữ	56.05		99	99.00383	3.50	4.75					8.25	8.25	4.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Quỳnh	29/09/95	Nữ	53.05		99	99.00285	10.0	8.50					18.50	18.50	9.25	04	2NT	13 PT
5304 00000	Trần Công	26/02/97		53.09		99	99.00418	3.25	5.50					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Trúc	28/06/93	Nữ	49.04		99	99.00328	1.50	4.75					6.25	6.25	3.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Đại	18/12/97		49.10		99	99.00136	6.25	7.00					13.25	13.25	6.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Văn	23/09/97		53.03		99	99.00402	6.25	4.25					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Đình Hoài	16/08/97		53.08		99	99.00132	5.75	7.25					13.00	13.00	6.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Hoài	17/02/97		53.06		99	99.00211	3.00	4.25					7.25	7.25	3.62	04	2NT	15 PT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Kèm theo Quyết định số 119...QĐ/CDYT, Ngày 21-08-2015



KHOA Y DƯỢC QUẢNG TRUNG - KỶ 2015 - QĐCĐTĐT, Ngày 21-08-2015																			
Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Đinh Hoàng	Phong	15/04/94		53.02	99	99.00423	4.25	5.50					9.75	9.75	4.87	04	2	15 PT
5304 00000	Trần Minh	Phúc	21/08/97		53.01	99	99.00337	2.75	5.75					8.50	8.50	4.25	04	2	15 PT
5304 00000	Lý Kim	Phụng	16/10/97	Nữ	53.01	99	99.00410	1.75	5.50					7.25	7.25	3.62	04	2	15 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Yến	Phượng	19/02/97	Nữ	53.03	99	99.00157	1.50	3.75					5.25	5.25	2.62	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Lương	Phước	20/10/97		56.02	99	99.00348	6.00	5.50					11.50	11.50	5.75	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hồng Tuyết	Phượng	08/07/97	Nữ	51.03	99	99.00324	4.50	5.75					10.25	10.25	5.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Văn	Quân	04/07/97		53.04	99	99.00408	2.25	4.00					6.25	6.25	3.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	15/05/95	Nữ	53.03	99	99.00188	4.75	5.50					10.25	10.25	5.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Văn	Quốc	29/12/97		53.04	99	99.00318	6.25	6.00					12.25	12.25	6.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Thanh	Sang	01/12/97		53.03	99	99.00340	4.50	5.00					9.50	9.50	4.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị	Sang	07/09/95	Nữ	53.06	99	99.00394	9.00	8.50					17.50	17.50	8.75	04	2NT	13 PT
5304 00000	Lê Minh	Tài	04/06/97		53.06	99	99.00095	3.00	5.50					8.50	8.50	4.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Thành	Tài	09/03/96		53.01	99	99.00351	4.00	6.50					10.50	10.50	5.25	04	3	15 PT
5304 00000	Trương Tấn	Tài	02/08/97		53.06	99	99.00169	2.00	4.25					6.25	6.25	3.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Đặng Thị Thanh	Tâm	22/03/73	Nữ	53.01	99	99.00003	7.00	8.50					15.50	15.50	7.75	04	2	91 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh	Tâm	30/03/97	Nữ	53.03	99	99.00386	6.50	7.25					13.75	13.75	6.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Nhật	Tân	07/10/94		53.01	99	99.00123	1.50	3.75					5.25	5.25	2.62	04	2	15 PT
5304 00000	Phạm Thanh	Thanh	02/10/97	Nữ	53.05	99	99.00076	5.25	5.75					11.00	11.00	5.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phạm Nguyễn Xuân	Thái	21/04/97		56.04	99	99.00102	1.75	3.75					5.50	5.50	2.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh	Thảo	21/12/96	Nữ	53.01	99	99.00152	2.75	5.50					8.25	8.25	4.12	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh	Thảo	18/05/97	Nữ	53.08	99	99.00400	6.25	4.25					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị	Thắm	21/07/97	Nữ	53.03	99	99.00379	4.75	5.00					9.75	9.75	4.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Phước	Thiện	07/11/91		53.05	99	99.00260	6.50	7.50					14.00	14.00	7.00	04	2NT	09 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Ngọc	Thị	29/12/96	Nữ	53.07	99	99.00409	2.75	4.00					6.75	6.75	3.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Bùi Lê Chí	Thông	21/02/97		56.05	99	99.00266	4.00	5.50					9.50	9.50	4.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Võ Thị Mộng	Thơ	01/03/89	Nữ	53.04	99	99.00054	6.50	7.50					14.00	14.00	7.00	04	2NT	14 PT

HỆ PT

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 041 Y sĩ TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG
Kèm theo Quyết định số 119/QĐ/CĐYT, Ngày 21-08-2015

Số Báo Danh	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Trương Đức Thuận	08/09/85		53.01		99	99.00027	4.00	4.00					8.00	8.00	4.00	04	2	03 PT
5304 00000	Trương Thị Thanh Thủy	15/05/97	Nữ	53.06		99	99.00264	5.50	7.00					12.50	12.50	6.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	25/06/97	Nữ	53.01		99	99.00065	5.25	5.50					10.75	10.75	5.37	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Anh Thư	30/12/97	Nữ	53.04		99	99.00361	7.00	7.50					14.50	14.50	7.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Thủy Tiên	28/09/97	Nữ	53.07		99	99.00160	4.25	4.50					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Văn Tiến	06/01/89		53.04		99	99.00096	2.50	3.50					6.00	6.00	3.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Việt Tiến	28/07/97		56.06		99	99.00129	1.50	4.50					6.00	6.00	3.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Tạ Minh Tiến	17/10/97		56.06		99	99.00171	6.50	7.25					13.75	13.75	6.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Trung Tính	22/08/97		53.07		99	99.00298	4.25	4.75					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Hữu Toàn	20/07/97		50.09		99	99.00387	5.25	6.50					11.75	11.75	5.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Thùy Trang	25/11/97	Nữ	53.01		99	99.00090	6.50	6.25					12.75	12.75	6.37	04	2	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Trang	08/08/95	Nữ	53.08		99	99.00165	3.75	4.50					8.25	8.25	4.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Dương Trần Bảo Trân	27/07/97	Nữ	53.11		99	99.00235	4.25	4.50					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Thị Huỳnh Trân	28/06/97	Nữ	53.05		99	99.00212	4.00	4.75					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Mỹ Trinh	30/04/97	Nữ	56.03		99	99.00122	5.50	3.00					8.50	8.50	4.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Lệ Trinh	14/03/97	Nữ	53.05		99	99.00230	3.00	4.50					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Nguyễn Trọng	03/07/97		53.06		99	99.00148	2.50	5.50					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Minh Trung	18/05/97		53.06		99	99.00213	2.50	5.25					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thanh Trúc	24/04/95	Nữ	56.04		99	99.00084	3.25	5.50					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Vũ Trường	21/10/95		56.09		99	99.00365	2.75	5.00					7.75	7.75	3.87	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Anh Tuấn	04/08/97		50.07		99	99.00190	6.75	6.00					12.75	12.75	6.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Lê Thị Thanh Tuyền	01/02/94	Nữ	56.05		99	99.00262	3.00	4.00					7.00	7.00	3.50	04	2NT	14 PT
5304 00000	Dương Thị Cẩm Tú	25/09/97	Nữ	53.03		99	99.00077	5.50	5.00					10.50	10.50	5.25	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Thị Cẩm Tú	05/01/96	Nữ	53.01		99	99.00363	6.00	7.50					13.50	13.50	6.75	04	2NT	14 PT
5304 00000	Nguyễn Thanh Tùng	18/10/81		53.03		99	99.00030	9.00	10.0					19.00	19.00	9.50	04	2NT	99 PT
5304 00000	Nguyễn Hoàng Uyên	24/12/96	Nữ	53.01		99	99.00220	3.00	4.50					7.50	7.50	3.75	04	2	15 PT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015

TRƯỜNG 5304 HỆ TRUNG CẤP TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

* Ngành 04

Kèm theo Quyết định số 119.....QĐ/CĐYT, Ngày 21-08-2015

Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	HK	ĐT	BTS	MãHS	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐM4	ĐM5	ĐM6	ĐTC0	ĐTC	ĐBQ	NG	KV	NTN
5304 00000	Nguyễn Thị Phương Uyên	21/08/96	Nữ	53.03		99	99.00439	3.25	5.75					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Thị Ngọc Uyên	25/05/97	Nữ	53.04		99	99.00158	3.00	4.50					7.50	7.50	3.75	04	2NT	15 PT
5304 00000	Phan Thị Bích Vân	28/10/97	Nữ	53.05		99	99.00162	5.75	7.25					13.00	13.00	6.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trần Nguyễn Xuân Vinh	14/03/97		56.02		99	99.00259	2.50	5.50					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Võ Thị Thúy Vi	17/08/97	Nữ	53.11		99	99.00155	4.00	6.75					10.75	10.75	5.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Phương Vũ	27/08/97	Nữ	53.07		99	99.00100	3.00	6.00					9.00	9.00	4.50	04	2NT	15 PT
5304 00000	Huỳnh Tường Vy	15/08/97	Nữ	56.02		99	99.00108	4.00	4.75					8.75	8.75	4.37	04	2NT	15 PT
5304 00000	Nguyễn Văn Vy	25/05/97		56.03		99	99.00395	3.75	4.25					8.00	8.00	4.00	04	2NT	15 PT
5304 00000	Đặng Thị Kim Xuyên	24/11/97	Nữ	53.04		99	99.00330	3.50	4.75					8.25	8.25	4.12	04	2NT	15 PT
5304 00000	Trương Thị Hữu ý	09/12/58	Nữ	53.04	07	99	99.00214	9.00	7.50					16.50	16.50	8.25	04	2	05 PT

Cộng ngành 04 : 166 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG 5304 : 440 THÍ SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

(Ký và ghi rõ họ tên)



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ